CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2024

CTCP Phát triển Nhà Thủ Đức

Ngày 28/06/2024	3,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	2.9%	-	-

DT thuần
Q2/24
20.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 9.90| 97.8%
YoY: ▼0.80| -3.9%

LN thuần
Q2/24
-26.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼25.5| -4118%
YoY: ▼13.7| -111%

LN sau thuế
Q2/24
-26.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▼24.5| -1449%
YoY: ▼16.5| -171%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/24
-130%
YoY: +/-▼ 113%

ROE (TTM)
Q2/24
-14.5%
YoY: +/-▼ 4.8%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	3,340 - 6,630
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	394
Số lượng CPLH (CP)	112,652,767
KLGD BQ 20 phiên (CP)	238,710
Sở hữu nước ngoài	1.3%
Beta	0.43
EPS	-490
P/E	-7.1

DT thuần
6T 2024
30.1
tỷ VNĐ
YoY: ▼38.6| -56.1%

LN thuần
6T 2024
-26.8
tỷ VNĐ
YoY: ▼4.50| -19.9%

LN sau thuế
6T 2024
-27.9
tỷ VNĐ
YoY: ▼7.50| -37.0%

Cơ cấu sở hữu

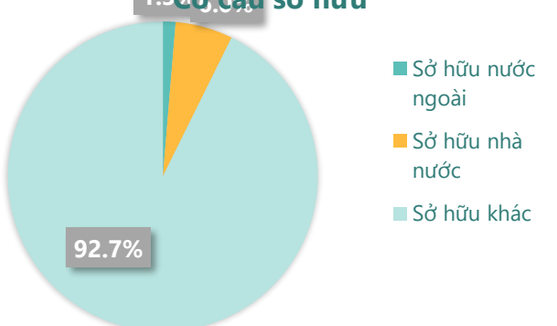

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

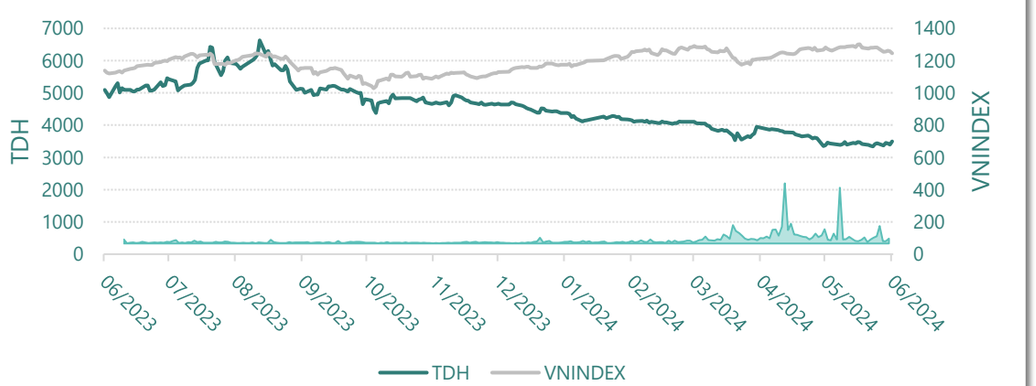

Cơ cấu cổ đông

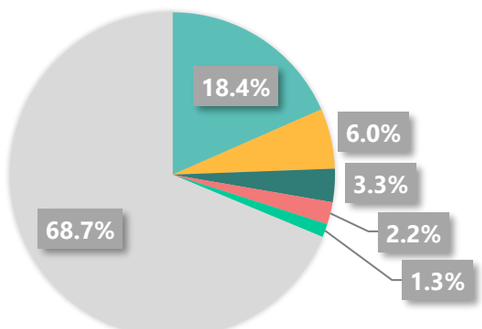

- Nguyễn Quang Nghĩa (Chủ tịch HĐQT)
- Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh
- Vietnam Equity Holding
- Yurie Vietnam Securities Investment Trust (Stock)
- Lê Chí Hiếu
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp

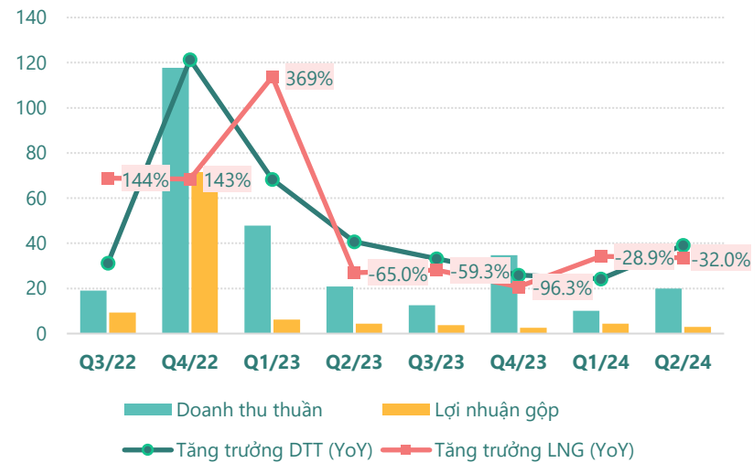

(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận

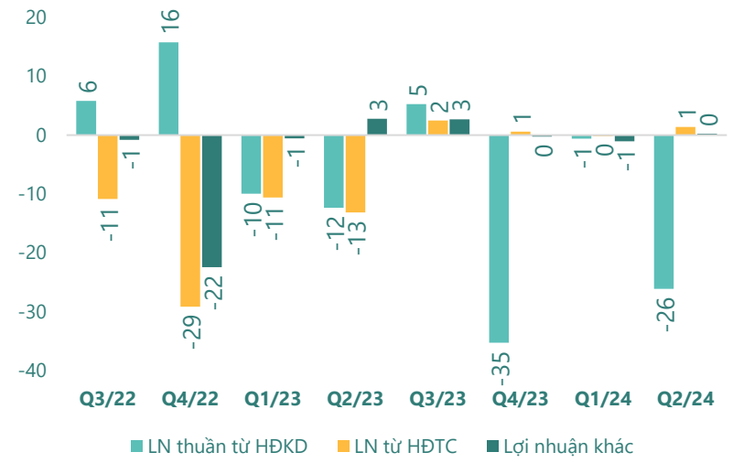

(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí

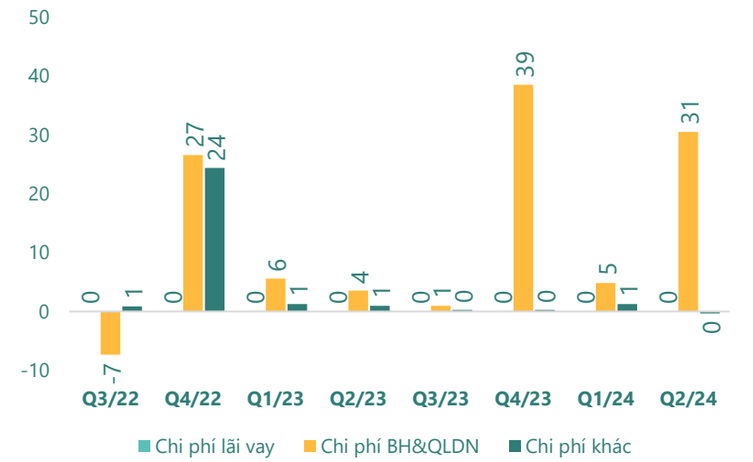

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận

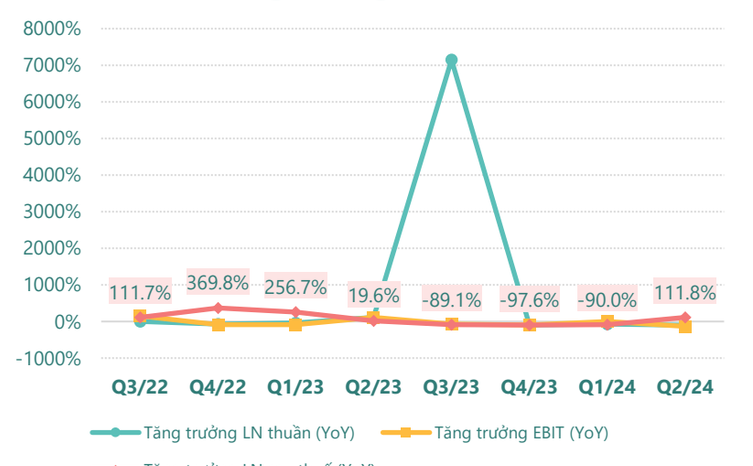

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

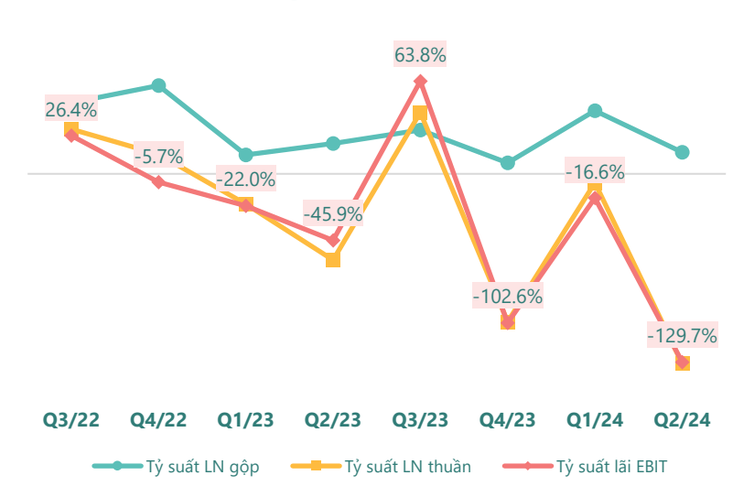

(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

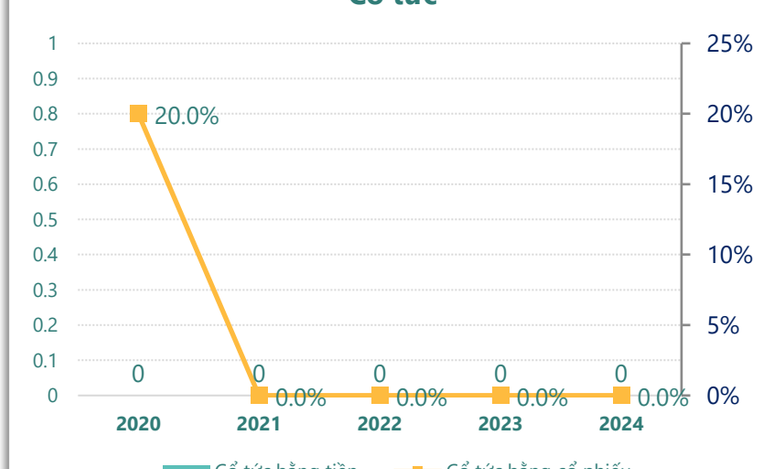

(Nguồn: fireant.vn)

TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

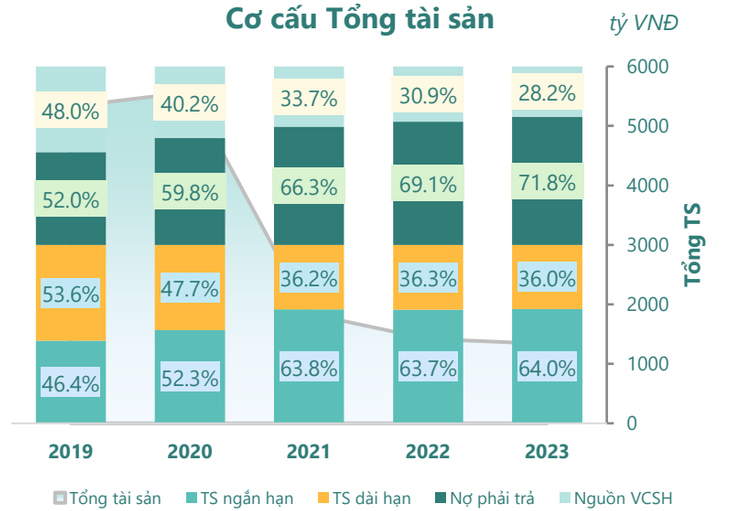

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

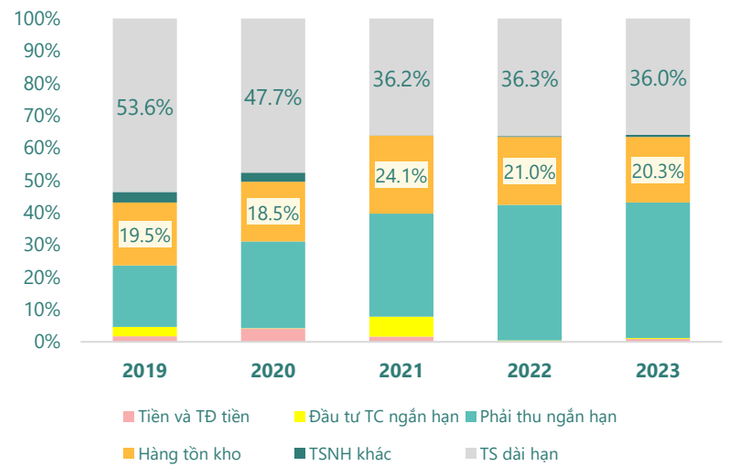

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

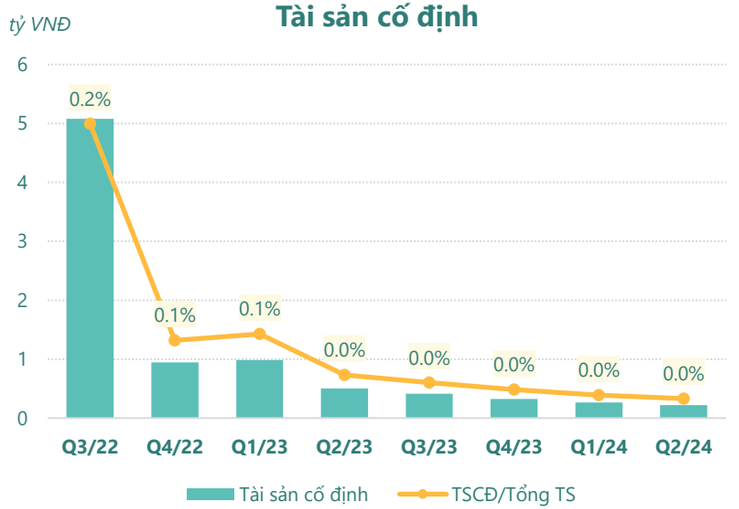

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

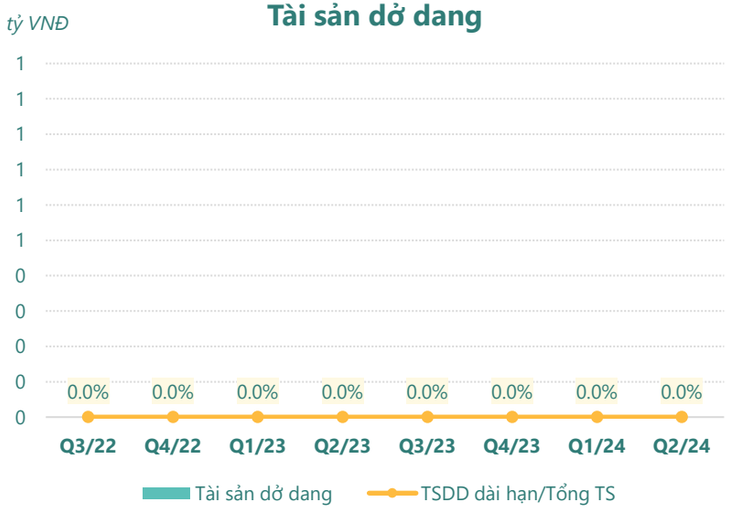

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

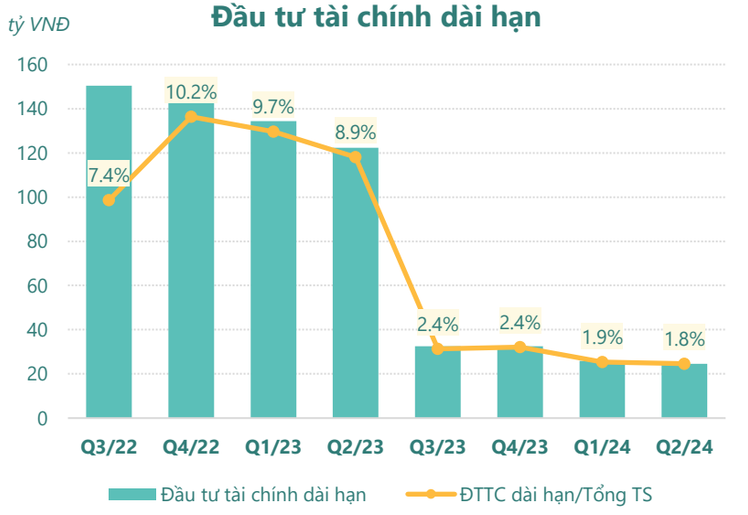

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

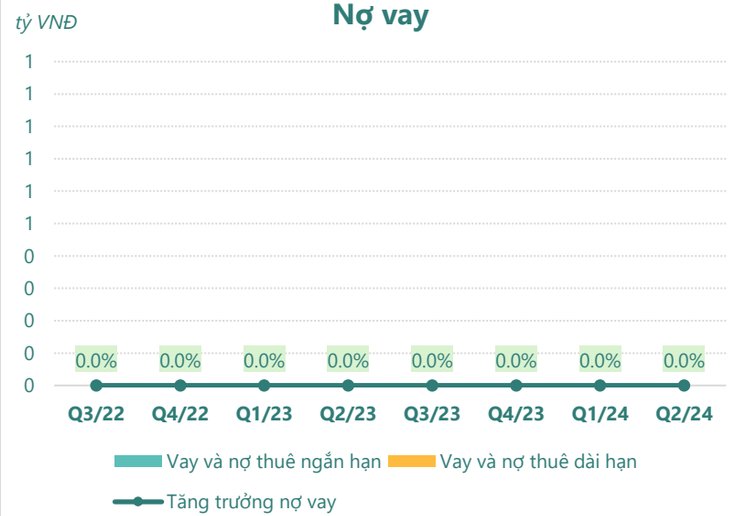

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH

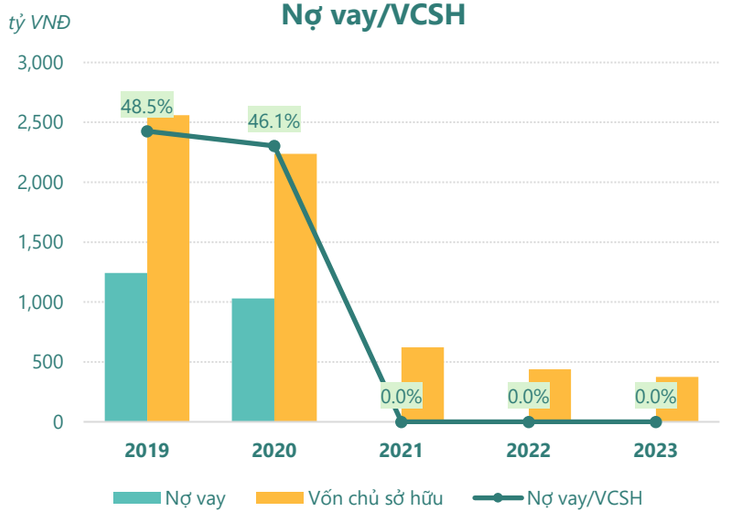

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

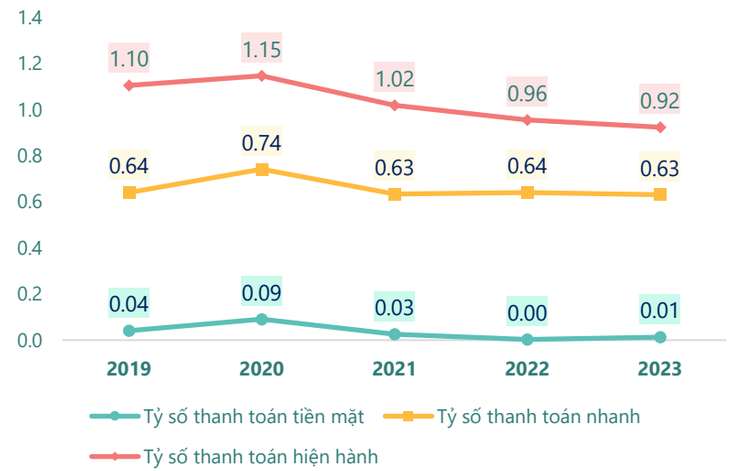

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

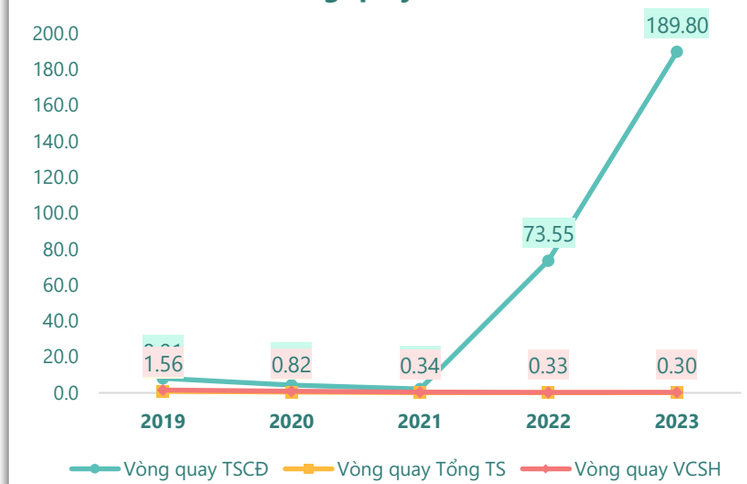

(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

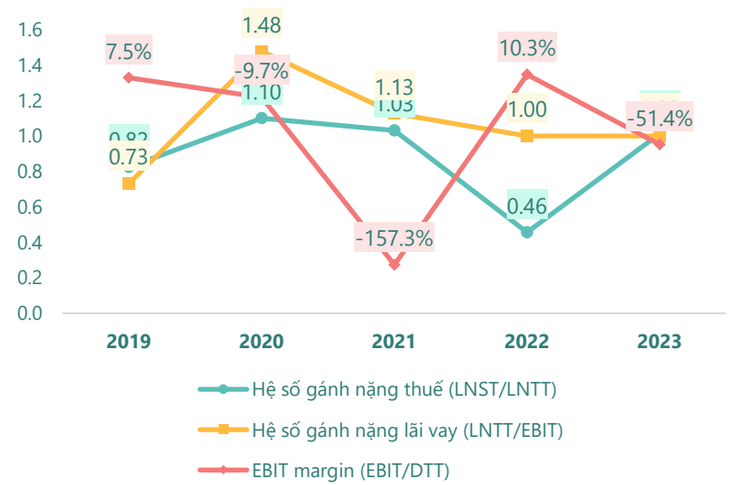

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE

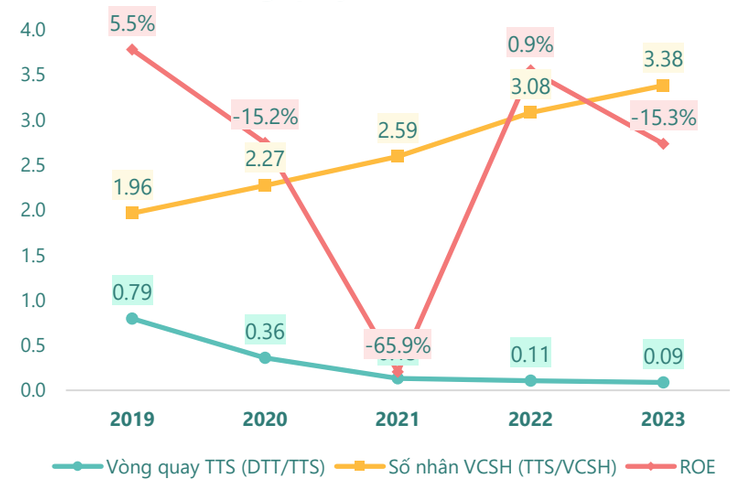

(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

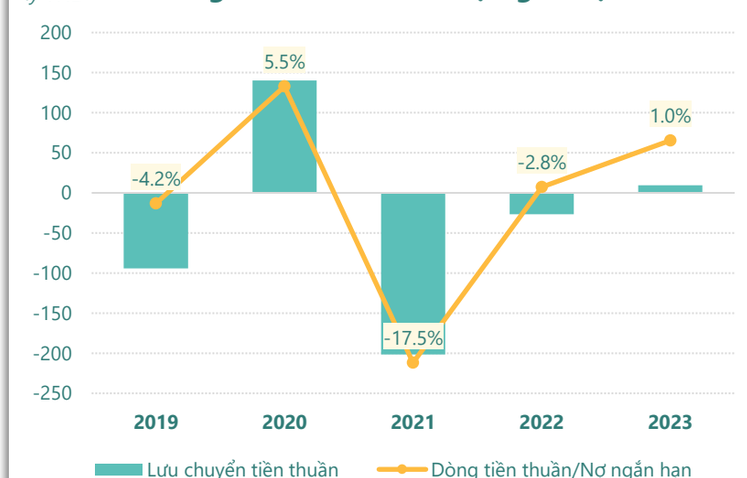

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**20.0**	**20.8**	**-3.9%**	**30.1**	**68.7**	**-56.1%**
Giá vốn hàng bán	17.0	16.5	3.1%	22.7	58.1	-60.9%
Lợi nhuận gộp	2.97	4.37	-32.1%	7.39	10.6	-30.2%
Doanh thu HĐTC	2.83	0.88	221%	2.83	1.85	53.4%
Chi phí TC	1.42	14.0	-89.9%	1.60	25.6	-93.7%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.37	0.30	23.4%	0.93	0.67	39.7%
Chi phí QLDN	**30.2**	**3.26**	**825%**	**34.5**	**8.48**	**307%**
LN thuần từ HĐKD	-26.1	-12.4	-111%	-26.8	-22.3	-19.9%
Lợi nhuận khác	**0.23**	**2.80**	**-91.7%**	**-0.83**	**2.26**	**-137%**
LN trước thuế	-25.9	-9.55	-171%	-27.6	-20.1	-37.5%
Lợi nhuận sau thuế	**-26.2**	**-9.68**	**-171%**	**-27.9**	**-20.4**	**-37.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-25.9**	**-9.36**	**-176%**	**-27.2**	**-20.0**	**-36.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.15	-32.2	-103	49.8	-0.92	-5.06
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.96	32.1	105	-44.3	1.89	0.55
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	-1.24
Tiền đầu kỳ	2.81	4.93	4.89	6.74	12.3	13.3
Lưu chuyển tiền thuần	**2.12**	**-0.04**	**1.86**	**5.59**	**0.96**	**-5.76**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	4.93	4.89	6.74	12.3	13.3	7.54

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,328**	**1,334**	**-0.4%**
Tài sản ngắn hạn	857	853	0.4%
Tiền và tương đương tiền	7.54	12.3	-38.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.83	3.80	-25.3%
Phải thu ngắn hạn	576	558	3.3%
Hàng tồn kho	261	271	-3.5%
Tài sản ngắn hạn khác	8.79	8.73	0.7%
Tài sản dài hạn	**471**	**480**	**-1.9%**
Phải thu dài hạn	353	358	-1.6%
Tài sản cố định	0.22	0.33	-32.6%
Bất động sản đầu tư	84.2	86.6	-2.7%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	24.5	25.8	-5.1%
Tài sản dài hạn khác	**9.07**	**8.97**	**1.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	982	958	2.5%
Nợ ngắn hạn	**947**	**924**	**2.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	143	144	-0.8%
Nợ dài hạn	34.4	33.9	1.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**346**	**376**	**-7.9%**
Vốn chủ sở hữu	**346**	**376**	**-7.9%**
Vốn điều lệ	1,127	1,127	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)